

Bản án số: 35/2019/HS-ST

Ngày 07- 6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Hồng Minh

Ông Hồ Bá Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Xuân Tuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2019/HSST ngày 03 tháng 5 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2019, đối với bị cáo.

Họ và tên: **Trần Văn H** (tên gọi khác: Không) - Sinh năm: 1983; Nơi sinh: Tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKKTT và chỗ ở trước ngày bị bắt: Xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 09/12 phổ thông; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Minh T - Sinh năm 1951 và bà Trần Thị H - Sinh năm 1959; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: 01 tiền án (Tại Bản án số 59/2015/HSST, ngày 08/6/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản và tội trộm cắp tài sản đến ngày 28/4/2018 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù).

Tiền sự: Không.

Đặc điểm nhân thân: Ngày 28/10/2010, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù về trộm cắp tài sản và đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/02/2019 đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại*: Anh Nguyễn Xuân T - sinh năm 1980.

Nơi cư trú: tổ A, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ông Trần Minh T - sinh năm 1951.

Nơi cư trú: Xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Có mặt).

* *Người làm chứng*: Anh Lê Văn C - sinh năm 1999.

Nơi cư trú: Xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ, ngày 16/02/2019, Trần Văn H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27F1 - 1602 từ nhà lên thành phố Đ, đi đến quán sửa chữa xe máy của anh Nguyễn Xuân T, tại tổ 07, phường Nam Thanh, thành phố Đ, Hiếu vào ngồi xuống bàn trong quán để hút nhờ thuốc Lào thì nhìn thấy trên mặt bàn có 02 chiếc điện thoại di động và 01 chiếc máy tính bảng, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt nên Hiếu lén lút lấy chiếc điện thoại Nokia kèm hai sim điện thoại cho vào túi quần bên trái, lấy chiếc máy tính bảng có vỏ ốp, kèm một sim điện thoại dặt vào cặp quần sau lưng thì bị anh Lê Văn C phát hiện, Hiếu bỏ chiếc máy tính bảng xuống mặt máy phát điện gần đó, rồi bỏ chạy thì bị anh Nguyễn Xuân T giữ được và báo Công an.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 18/QĐ-NT ngày 19/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Tổng số tài sản mà Trần Văn H chiếm đoạt của anh Nguyễn Xuân T là 3.595.000 (Ba triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn) đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bị hại, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá.

Tại Bản cáo trạng số: 30/CT- VKSTPĐBP ngày 03/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Trần Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không có khả năng thi hành án, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc trả lại tài sản của Cơ quan cảnh sát điều tra, công an thành phố Đ.

Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát và không có tranh luận gì với lời luận tội của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh T trình bày: Ông không biết bị cáo sử dụng chiếc xe máy của ông đi đâu, làm gì. Ông đã nhận lại chiếc xe máy và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa bị hại Nguyễn Xuân T, người làm chứng anh Lê Văn C đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy trong quá trình điều tra anh Thắng, anh Chính đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt bị hại, người làm chứng theo quy định của pháp luật.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo Trần Văn H, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong quá trình giải quyết vụ án phù hợp với nhau, phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, kết luận định giá, phù hợp với vật chứng thu được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Khoảng 17 giờ 35 phút, ngày 16/02/2019, tại quán sửa chữa xe máy của anh Nguyễn Xuân T, tổ 7, phường Nam Thanh, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, Trần Văn H đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt chiếc điện thoại Nokia kèm 02

sim và chiếc máy tính bảng có vỏ ốp kèm 01 sim điện thoại của anh Nguyễn Xuân T, tài sản trộm cắp có tổng trị giá là 3.595.000đ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Bởi vậy, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đã truy tố, kết luận bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật, bị cáo không bị oan.

[4]. Về tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, do lười lao động nhưng muốn có tiền để chi tiêu và mua ma túy sử dụng, mà bị cáo đã cố ý phạm tội, hành vi trộm cắp của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo là ít nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, đồng thời còn ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2015/HSST, ngày 08/6/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt bị cáo Trần Văn H 03 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản và tội Trộm cắp tài sản, ngày 28/4/2018 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 16/02/2019 bị cáo chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo; Bố của bị cáo được nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, tuy nhiên xét bị cáo làm ruộng, bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không có khả năng thi hành án. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng vụ án:

Đối với một chiếc máy tính bảng nhãn hiệu HUEWEI MediaPab T3 kèm theo một vỏ ốp của chiếc máy tính bảng màu vàng, bằng nhựa; một sim điện thoại Mobifone số 093.122.1116; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3310 màu đen-trắng; một sim điện thoại Mobifone số 093.224.6799; một sim điện thoại Vinaphone số 091.244.9485 là tài sản của anh Nguyễn Xuân T. Một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 27F1-1602, số máy: 8620970, số khung 8621917, màu sơn xanh, đã qua sử dụng là tài sản của ông Trần Minh T. Cơ quan cảnh sát điều tra căn cứ Điều 36 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình

sự trả cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Xuân T và ông Trần Minh T là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu của cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ.

(Theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 26/3/2019 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh Điện Biên với bị hại Nguyễn Xuân T và Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 02/4/2019 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh Điện Biên với ông Trần Minh T (BL: 40, 43).

[9] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án.

[10]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 16/02/2019).

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc trả lại tài sản cho bị hại anh Nguyễn Xuân T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh T của cơ quan cảnh sát điều tra, công an thành phố Đ.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND thành phố Đ;
- CA thành phố ĐBP;
- Nhà Tạm giữ Công an TP.Đ;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bằng

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND thành phố ĐBP;
- CA thành phố ĐBP;
- Nhà Tạm giữ Công an TP.ĐBP;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bằng

